TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **ĐỒNG THÁP** Số: 89/2025/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Thuận, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 170/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đ.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 44/5A L, phường T, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1959.

Đại diện ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Trần Thị Kim P - Là Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

2. Bà Dương Thị P, sinh năm 1958.

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972.

4. Chị Nguyễn Phượng L, sinh năm 1990.

5. Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Thị P, ông Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Phượng L cùng có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị T quyền sử dụng 87m^2 đất thuộc thửa 2004, tờ bản đồ số 3, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, bằng giá trị với số tiền là 236.857.500 (*hai trăm ba mươi sáu triệu tám*

trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, vào ngày 20/10/2025.

- Ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Thị P, ông Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Phượng L; liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp quyền sử dụng 87m^2 đất theo Luật đất đai 2025; vị trí, kích thước 87m^2 đất theo "*Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất"* ngày 18/8/2025, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực XI (có kèm bản photo).

- Ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Thị P, ông Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Phượng L; được nhận tiền đền bù đối với phần đất thuộc 87m^2 của thửa 2004 tờ bản đồ số 3 nói trên (nếu có).

- Bà Hồ Thị T tự di dời tài sản của bà T, trên 87 m^2 đất thuộc thửa 2004, tờ bản đồ số 3 nói trên, vào ngày 20/10/2025.

- Ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Thị P, ông Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Phượng L; cùng có nghĩa vụ hỗ trợ chi phí di dời 03 hồ nước cho bà Hồ Thị T, với số tiền là 361.462 (*ba trăm sáu mươi mốt ngàn bốn trăm sáu mươi hai)* đồng, vào ngày 20/10/2025.

Đến hạn trả tiền, nếu ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Thị P, ông Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Phượng L không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2025.

- Về án phí, các bên thỏa thuận thống nhất:

+ Bà Hồ Thị T nộp ½ án phí dân sự sơ thẩm là 2.965.237 (*hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi bảy)* đồng. Do bà T trên 60 tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Thị P, ông Nguyễn Thành C, chị Nguyễn Phượng L cùng có nghĩa vụ nộp ½ án phí dân sự sơ thẩm là 2.965.237 đồng. [Mỗi người nộp 593.047 *(năm trăm chín mươi ba nghìn không trăm bốn mươi bảy*) đồng (2.965.237 đồng : 5)]. Riêng ông Nguyễn Hữu T và bà Dương Thị P trên 60 tuổi, nên được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV2;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Thị Hoàng Nhi